TAND HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/HSST
Ngày 13/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Trung Phước**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tòng Văn Đại**; Ông **Nguyễn Trung Kiên**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông **Lò Văn Sơm** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*:**

Bà: **Kiều Thị T** - Kiểm sát viên

Ngày 13/4/2023, tại điểm cầu Trung tâm - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm trực tuyến vụ án hình sự, thụ lý số 53/2023/TLST-HS ngày 28/02/2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HS ngày 31/3/2023:

Họ và tên: **LÒ VĂN Q**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 09/8/2003, tại huyện Than Uyên; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Bản M, xã, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Lò Văn N, sinh năm 1973 và bà Lò Thị Đ, sinh năm 1973; Gia đình bị cáo có 04 anh, chị, em; bị cáo là con thứ tư; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/01/2023, tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay (có mặt tại điểm cầu thành phần).

Tại điểm cầu trung tâm có:

Bị hại: Anh Lò Văn C, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Bản M, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Người làm chứng 1: Bà Thị Thiên, sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản M, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do).

Người làm chứng 2: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng 01/8/2022, Lò Văn Q đi xe khách từ thành phố Hà Nội về T, tỉnh Lai Châu. Đến khoảng 18 giờ ngày 01/8/2022, xe đến Bến xe T. Tại đây, Q mượn điện thoại của một người không quen biết và gọi điện cho Lò Văn C, sinh năm 2001, trú tại bản Mỳ, xã Ta Gia, huyện Than Uyên đến đón. C điều khiển mô tô HONDA Wave α biển kiểm soát 25T1-133.63 của C đến bến xe. Khi gặp C, Q hỏi mượn điện thoại di động của C để sử dụng. Sau đó, C điều khiển xe mô tô chở Q về nhà ông Lò Văn S tại bản L, xã M, huyện T để cùng ăn cơm, uống rượu. Khi đến nhà Lò Văn S, C để xe mô tô ở gầm sàn nhà Lò Văn D (cách nhà Lò Văn S khoảng 10 m) và có rút chìa khóa xe, cầm vào để tại bàn uống nước trong phòng khách nhà ông S. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 02/8/2022, sau khi ăn uống xong thì mọi người dọn dẹp và rửa bát dưới bếp, một số người đi ngủ còn Q ngồi chơi điện thoại trong phòng khách nhà ông S thì nhận được điện thoại của ông chủ nơi Q làm thuê tại Hà Nội gọi xuống làm việc. Lúc này, Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của C làm phương tiện đi lại. Q đã lấy chùm chìa khóa xe để tại bàn uống nước, cầm theo chiếc điện thoại di động của C và lấy xe mô tô để tại gầm sàn nhà ông D rồi điều khiển xe đi theo đường giao thông nội bản ra Quốc lộ 32. Sau đó, Q điều khiển xe đi theo Quốc lộ 32 để đến thành phố Hà Nội. Khi đi đến địa bàn thị xã N, tỉnh Yên Bái thì Q dừng xe ngủ dọc đường. Đến sáng ngày 02/8/2022, Q vào một cửa hàng điện thoại (không rõ địa chỉ, tên) bán chiếc điện thoại di động mà C cho mượn, lấy số tiền 300.000 đồng. Sau đó, Q mua mũ bảo hiểm và đổ xăng xe điều khiển xe đi đến thành phố Hà Nội để làm thuê. Sau khi bị mất xe và biết Q là người lấy trộm xe của mình, C có nhắn tin yêu cầu Qtrả xe nhưng Q không gửi xe về trả cho C. Làm thuê ở Hà Nội được khoảng một tuần sau thì Q đi xe mô tô trộm cắp được của C đến thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc và xin làm thuê cho Nguyễn Văn C, sinh năm 1983, trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do cần tiền chi tiêu, Q đã cùng với một người đàn ông tên là S (cùng làm thuê với mình) đi cầm cố chiếc xe mô tô trộm cắp của Lò Văn C tại một cửa hàng sửa chữa xe mô tô (Q không nhớ rõ tên, địa chỉ) lấy số tiền 6.000.000 đồng và đã chi tiêu hết.

Kết luận định giá tài sản số 15 ngày 18/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: *"chiếc xe mô tô HONDA Wave α màu sơn xanh-đen-bạc của Lò Văn C bị Lò Văn Q trộm cắp có giá trị là 10.625.000 đồng"*

Cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 26/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố bị cáo Lò Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173/Bộ luật hình sự.

Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian và địa điểm phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản". Về hình phạt, đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51/Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tháng tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173/Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại, bị cáo Lò Văn Q có trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt cho bị hại Lò Văn C số tiền 10.500.000 đồng như thỏa thuận tại phiên tòa.

Bị hại Lò Văn C trình bày: Bị cáo Lò Văn Q đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô và điện thoại di động của anh, quá trình giải quyết vụ án anh yêu cầu bị cáo Q bồi thường tổng cộng 19.500.000 đồng, tuy nhiên, do giữa anh và Lò Văn Q là bạn bè nên tại phiên tòa anh chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền 10.500.000 đồng giá trị chiếc xe mô tô. Đối với chiếc điện thoại bị Q chiếm đoạt, anh không yêu cầu bị cáo Q bồi thường. Về hình phạt đề nghị xét xử Lò Văn Q theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đối với vụ án theo quy định tại các Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 41, Điều 42/Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 02/8/2022, tại bản L, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu, Lò Văn Q đã trộm cắp, chiếm đoạt 01 xe mô tô HONDA Wave α màu xanh-đen-bạc trị giá 10.625.000 đồng của Lò Văn C,

sinh năm 2001 trú tại bản M, xã T, huyện T. Sau đó, Q đã cầm cố chiếc xe này tại một cửa hàng sửa chữa xe (không rõ tên, địa chỉ tại tỉnh Vĩnh Phúc) lấy số tiền 6.000.000 đồng để chi tiêu cho cá nhân. Hành vi bị cáo Lò Văn Q thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173/Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quyền bất khả xâm phạm về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo Lò Văn Q là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi Trộm cắp tài sản là bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

[4]. Về mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo Lò Văn Q thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhằm mục đích tiêu sài cá nhân.

[5]. Về nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Lò Văn Q được sinh ra trong gia đình lao động, mặc dù có tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu khó tu dưỡng rèn luyện. Chỉ vì muốn có tiền tiêu sài mà không phải lao động, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội, bên cạnh đó bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy. Như vậy nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố hành vi phạm tội và đề xuất mức hình phạt, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với bị cáo là có căn cứ cần được chấp nhận. Vì vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Lò Văn Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52/Bộ luật hình sự.

[6]. Về vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ của Lò Văn C 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007675 mang tên Lò Văn C. Căn cứ vào đơn xin lại tài sản của bị hại, ngày 03/10/2022, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý

tài sản, đồ vật, tài liệu bằng hình thức trả cho Lò Văn C chứng nhận đăng ký xe mô tô trên là có căn cứ.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn Q và bị hại Lò Văn C thỏa thuận, bị cáo có trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc xe mô tô HONDA Wave α màu xanh-đen-bạc với số tiền 10.500.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên HĐXX cần ghi nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo Lò Văn Q phải chịu án phí HSST và án phí dân sự có giá ngạnh theo theo quy định của pháp luật.

[9]. Về biện pháp ngăn chặn: Cần tiếp tục áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, Điều 331, Điều 333/Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 468/Bộ luật dân sự; Điều 23/Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn Q phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn Q 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2023. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại, bị cáo Lò Văn Q có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Lò Văn C số tiền 10.500.000^{đ} (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo lãi suất chậm trả của Ngân hàng Nhà nước, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357/Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9/Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được quy định tại Điều 30/Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Lò Văn Q phải chịu 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 525.000^{đ} (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp Lai Châu;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện T.
- Nhà TG.
- Người tham gia tố tụng.
- Bị cáo.
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đoàn Trung Phước